

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2023/DS-PT**

Ngày 11-12-2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng liên
doanh trồng rừng nguyên liệu*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Bà Hoàng Ngọc Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình: Bà Nguyễn Thị Kim Dung – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2023/TLPT-DS ngày 26/10/2023 về việc Tranh chấp Hợp đồng liên doanh trồng rừng nguyên liệu.

Do bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn : Tổng công ty L Việt Nam- Công ty cổ phần. Địa chỉ: Số A L, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quốc K - Tổng giám đốc. Chi nhánh Tổng công ty L Việt Nam – Công ty cổ phần - Công ty L Hòa Bình. Trụ sở: tổ B, phường K, thành phố H, tỉnh Hòa Bình do ông Bùi Văn H- Đội trưởng đội L Tân Lạc- Lạc Sơn đại diện theo uỷ quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1970; ông Bùi Văn V, sinh năm 1972 anh Bùi Văn T1, sinh năm 1996; cùng địa chỉ: xóm N, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Bùi Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Ngày 14/4/2014, gia đình anh có Hợp đồng nhận trồng rừng với Công ty L Hoà Bình, hợp tác trên cơ sở “Hợp đồng nguyên tắc trồng rừng”. Tuy nhiên gia đình anh không hề được bàn bạc bất cứ điều khoản gì với Công ty, chỉ được nghe phổ biến. Công ty giao cây giống sau đó gia đình anh tiến hành trồng. Sau này, hết hạn hợp đồng có vài lần đại diện công ty xuống nhà nhưng mang theo hợp đồng soạn sẵn, bản thân anh thấy điều khoản quy định về nộp sản phẩm là cao nên anh không ký. Anh có đến trụ sở công ty tại thành phố Hoà Bình một vài lần để ký Hợp đồng trực tiếp ở đó và muốn xem mẫu hợp đồng của Công ty nhưng Công ty hướng dẫn anh quay về đội lâm nghiệp Tân Lạc- Lạc Sơn để ký hợp đồng. Khi anh về để ký hợp đồng thì đội lâm nghiệp Tân Lạc- Lạc Sơn đã ký với người khác. Theo anh, phải có biên bản thanh lý hợp đồng với anh thì mới được ký với người khác.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với Công ty L Hoà Bình:

- Xử lý việc đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty L Hoà Bình với anh vì bản thân anh chưa nhận được biên bản thanh lý hợp đồng mà phía Công ty lại ký hợp đồng với người khác;

- Đề nghị truy thu việc tính lãi suất cao;

- Trả lại khối lượng sản phẩm mà công ty đã tính cao cho anh.

**** Theo bản tự khai, các ý kiến trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn công ty L Hoà Bình trình bày:***

Ngày 09/4/2014 anh Bùi Văn T có đơn xin trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng nguyên liệu năm 2014 chu kỳ 2014 – 2020 gửi UBND xã Tân Mỹ và Ban lãnh đạo Lâm trường Lạc Sơn. Sau khi chủ hộ có đơn, Lâm trường Lạc Sơn (nay là Đội lâm nghiệp Tân Lạc – Lạc Sơn) và hộ anh Bùi Văn T ký Hợp đồng nguyên tắc trồng rừng nguyên liệu kế hoạch năm 2014” chu kỳ 2014-2020. Việc ký kết trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, đã được UBND xã Tân Mỹ, huyện Lạc Sơn xác nhận.

Đến hết chu kỳ 7 năm, hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng và thu hồi sản phẩm (2014- 2020). Khi hết hạn hợp đồng, Công ty L Hoà Bình đã nhiều lần đến nhà anh T kết hợp với gửi thông báo bằng văn bản mong muốn hộ anh T ký lại hợp đồng trồng rừng. Tuy nhiên gia đình anh không tiến hành việc ký kết mà lại tự ý chuyển đổi cây trồng sang trồng cây nông nghiệp, xây dựng nhà trên đất lâm nghiệp đã ký hợp đồng hợp tác trồng rừng với Công ty. Sau đó, Công ty L Hoà Bình thu hồi lại diện tích trên và ký hợp đồng với người khác. Toàn bộ giấy

tờ thể hiện việc thanh lý hợp đồng đã được nộp cho Toà án lưu hồ sơ. Công ty L Hoà Bình đã có Thông báo số: 118 TB/CT-LN ngày 16/4/2020 về việc thu hồi diện tích đất xây dựng nhà trái phép và không ký hợp đồng đối với hộ anh Tuong.

Về việc anh T cho rằng Công ty L Hoà Bình tính lãi suất cao Công ty có ý kiến như sau: Việc tính lãi suất hàng năm đối với những hộ ký hợp đồng được tính vào thời điểm ký kết, nội dung hợp đồng có nêu rõ về số tiền vay và mức lãi suất. Mức lãi suất này được tính theo lãi suất hàng năm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Bản chất, lãi suất được tính toán chỉ làm cơ sở để được quy đổi ra khối lượng sản phẩm phải trả cho 01ha/01 chu kỳ (không phải tính để thu tiền lãi suất, vì trong hợp đồng được thể hiện thu hồi vốn bằng sản phẩm gỗ) và thực tế hộ anh T đã nộp sản phẩm và không có ý kiến gì. Do vậy, công ty không nhất trí việc anh T yêu cầu công ty trả lại khối lượng sản phẩm mà đã tính cao vì công ty đã tính theo đúng hợp đồng ký giữa các bên, với mức lãi suất phù hợp và việc quy đổi ra số lượng sản phẩm là chính xác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị X và ông Bùi Văn V nhất trí với quan điểm của anh T, không bổ sung gì thêm.

****Tại bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST*** ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122 Bộ luật dân sự 2005; Điều 372; Điều 373; Điều 401, khoản 1 Điều 422; Điều 428, Điều 429; Điều 500, Điều 501, Điều 504; Điều 512 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1, 2 Điều 75 Luật đất đai 2003; điểm a khoản 2 Điều 135 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/1995/NĐ- CP ngày 04/01/1995; Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005; Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn T đối với Công ty L Hòa Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, nghĩa vụ chịu án phí, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 25/9/2023 nguyên đơn anh Bùi Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát tóm tắt nội dung vụ kiện, nêu các căn cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, phân tích việc nguyên đơn vi phạm hợp đồng, tự ý chuyển đổi trồng cây lương thực, xây dựng nhà trái phép trên đất lâm nghiệp. Mặc dù phía Nông lâm trường đã nhiều lần xuống yêu cầu nguyên đơn tiếp tục ký hợp đồng, nhưng không nhận được sự đồng thuận, ngoài ra Lâm trường đã nhiều lần lập biên bản vi phạm hợp đồng, đã tiến hành thông báo đến nguyên đơn trước khi thực hiện việc thanh lý hợp đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm theo hướng Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Văn T – Giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ tòa diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, nội dung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, hợp lệ, nên được chấp nhận để xem xét.

Người không kháng cáo những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, và những người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn anh Bùi Văn T: Hội đồng xét xử thấy rằng:

2.1. Xử lý hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng của Công ty L Hoà Bình với anh Bùi Văn T;

Ngày 09/4/2014 anh Bùi Văn T và Công ty L Hoà Bình ký Hợp đồng nguyên tắc trồng rừng nguyên liệu kế hoạch năm 2014 (chu kỳ 2014-2020). Đến hết chu kỳ 7 năm, hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng và thu hồi sản phẩm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo chu kỳ thì đến năm 2020 mới được khai thác sản phẩm. Tuy nhiên đến năm 2018 do có một số cây bị chết, hộ anh T đề nghị được khai thác do cây bị chết. Qua kiểm tra, xác minh rừng trồng

còn nhỏ (4 năm tuổi), đang vào thời kỳ sinh trưởng phát triển mạnh về khối lượng nên Công ty đã trả lời anh T không nên khai thác ở thời điểm hiện tại (năm 2018) và nếu chủ hộ muốn khai thác phải trả sản phẩm theo hợp đồng, tiến hành ký hợp đồng mới, trồng lại rừng chu kỳ tiếp theo. Ngày 23/8/2018, hộ anh T tự ý khai thác rừng khi chưa có phép của Đội Lâm nghiệp Lạc Sơn – Công ty L Hòa Bình. Đại diện đội Lâm nghiệp Lạc Sơn – Công ty L Hòa Bình đã lập biên bản vi phạm hợp đồng đối với anh Bùi Văn T về hành vi vi phạm Hợp đồng vay vốn trồng rừng nguyên liệu đã ký kết giữa hai bên.

“Hợp đồng nguyên tắc trồng rừng nguyên liệu kế hoạch năm 2014” chu kỳ 2014-2020 đã kết thúc năm 2020 do hết chu kỳ theo hợp đồng, hai bên đã hoàn thiện nghĩa vụ với nhau, mặc dù phía công ty đã nhiều lần yêu cầu anh T tiếp tục ký kết hợp đồng mới, đã gặp gỡ trực tiếp và có các văn bản trao đổi, tuy nhiên anh T không ký hợp đồng mới, anh cho rằng việc công ty tính lãi xuất cao, giao sản phẩm thu hoạch lớn, nên anh chưa tiếp tục việc ký kết hợp đồng mới, sau đó anh T đã tự ý chuyển đổi cây trồng sang trồng cây nông nghiệp, xây dựng nhà trái phép trên đất lâm nghiệp. Công ty đã tiến hành lập biên bản và yêu cầu phía gia đình anh T tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên diện tích đất lâm nghiệp.

Do đó, Công ty L Hoà Bình có thông báo nhiều lần bằng văn bản, yêu cầu anh T thực hiện việc thanh toán sản phẩm còn thiếu và yêu cầu anh có ký kết tiếp tục thực hiện hợp đồng, nhưng anh T không thực hiện. Do đó Công ty L Hoà Bình đã có Thông báo số: 118 TB/CT-LN ngày 16/4/2020 về việc thu hồi diện tích đất xây dựng nhà trái phép và không ký hợp đồng đối với hộ anh T. Do đó Công ty đã tiến hành thực hiện việc thu hồi lại diện tích trên và ký hợp đồng với người khác.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý Công ty L Hoà Bình đơn phương chấm dứt Hợp đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

2.2. Đề nghị truy thu việc tính lãi suất cao;

Tại Hợp đồng kinh tế trồng rừng nguyên liệu kế hoạch năm 2014 (chu kỳ 2014 – 2020) có quy định về lãi suất đầu tư và lãi suất cho 1ha/chu kỳ 07 năm. Việc tính lãi suất hàng năm đối với những hộ ký hợp đồng hợp tác trồng rừng được tính vào thời điểm ký hợp đồng, có ghi rõ theo hợp đồng về số tiền vay và mức lãi suất. Mức lãi suất này tính theo mức lãi suất hàng năm của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Bản chất, lãi suất được tính toán chỉ làm cơ sở để được quy đổi ra khối lượng sản phẩm phải trả cho 01ha/01 chu kỳ (Cụ thể trong hợp đồng được thể hiện thu hồi vốn bằng sản phẩm gỗ). Thực tế hộ anh T đã nộp sản phẩm và không có ý kiến gì.

Do đó phía công ty đã tính theo đúng hợp đồng đã được ký kết giữa hai

bên với mức lãi suất phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu truy thu lãi suất cao là có cơ sở.

2.3. Trả lại khối lượng sản phẩm mà công ty đã tính cao cho anh Bùi Văn T:

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình thực hiện hợp đồng hộ anh Bùi Văn T có nhiều hành vi vi phạm hợp đồng, lâm trường đã nhiều lần lập biên bản, cũng như yêu cầu ký tiếp hợp đồng. Tuy nhiên anh T không đồng ý ký kết, lý do anh đưa ra là mức khoán cao. Đến ngày 23/8/2023 anh T tự ý khai thác rừng, Đội lâm nghiệp Tân Lạc– Lạc Sơn đã làm việc với chủ hộ lập biên bản khai thác trái phép và thu hồi sản phẩm, Khối lượng sản phẩm phải nộp theo hợp đồng tính tại thời điểm là: 42,4 m³/ha/4 năm (Theo hợp đồng chu kỳ 7 năm là: 55m³/1ha/1chu kỳ; giảm 12,6 m³ do khai thác trước hạn 03 năm).

Sản lượng dự tính đến cuối chu kỳ 7 năm sẽ đạt khoảng 120m³/ha (dự tính theo sản lượng rừng Công ty tự thực hiện) trong đó: Công ty được hưởng: 55m³/ha theo hợp đồng giao khoán chiếm 45,8%; Hộ anh T được hưởng: 65m³/ha theo hợp đồng giao khoán chiếm 54,2%. Nếu so sánh giữa tỷ lệ hưởng lợi cuối chu kỳ thì hộ dân được hưởng lợi nhiều hơn công ty.

Như vậy việc anh T yêu cầu công ty trả lại khối lượng sản phẩm mà đã tính cao là không có cơ sở chấp nhận vì trên thực tế Công ty đã tính theo đúng quy định và đúng hợp đồng ký kết giữa các bên với mức lãi suất phù hợp và quy đổi là số lượng sản phẩm chính xác.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của anh Bùi Văn T.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

I. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Bùi Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DSST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122 Bộ luật dân sự 2005; Điều 372; 373; 401, khoản 1 Điều 422; 428, 429; 500, Điều 501; 504; 512 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1, 2 Điều 75 Luật đất đai 2003; điểm a khoản 2 Điều 135 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 01/1995/NĐ- CP ngày 04/01/1995; Nghị định số

135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005; Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bùi Văn T đối với Công ty L Hòa Bình.

II. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ với 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005536 ngày 07/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, xác nhận đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000503 ngày 25/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; xác nhận đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6;7;7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành bản án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

III. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (11/12/2023).

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- TAND huyện Lạc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: TH, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Mạnh Hùng